

**CÔNG TY TNHH NHÂN TÀI ĐÍCH THỰC TRIGHT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÂN TÀI ĐÍCH THỰC TRIGHT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRIGHT AUTHENTIC TALENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRIGHT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107510684

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36, ngõ 117, phố Lãng Yên, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942 955 786

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                             | 2610     |
| 2.  | In ấn                                                                                                  | 1811     |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                               | 1812     |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 5.  | Xuất bản phần mềm                                                                                      | 5820     |
| 6.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                               | 5911     |
| 7.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                       | 5912     |
| 8.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                              | 5913     |
| 9.  | Hoạt động chiếu phim                                                                                   | 5914     |
| 10. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc                                                                   | 5920     |
| 11. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: hoạt động của các điểm truy cập internet;                       | 6190     |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                  | 6201     |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                    | 6202     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                        | 6209     |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                     | 6311     |
| 16. | Cổng thông tin                                                                                         | 6312     |
| 17. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                          | 6329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                   | 4651        |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                       | 4659        |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |
| 25. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                       | 8531        |
| 26. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                  | 8532        |
| 27. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                         | 8551        |
| 28. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                           | 8552        |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                          | 8560        |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                             | 9511        |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                            | 9512        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                          | 9521        |
| 33. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                        | 6619        |
| 34. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 35. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 36. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                              | 7320        |
| 37. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                             | 7810(Chính) |
| 38. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                            | 7820        |
| 39. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                    | 7830        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ NGỌC TUYẾT | Thôn Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | 1.260.000.000         | 70,000    | 038186000079                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGÔ SỸ TRUNG      | Số 8 Thúy Ái 2, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 540.000.000           | 30,000    | 011949027                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THỊ NGỌC TUYẾT

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038186000079

Ngày cấp: 04/03/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4, ngõ 242/20/6 Tây Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội